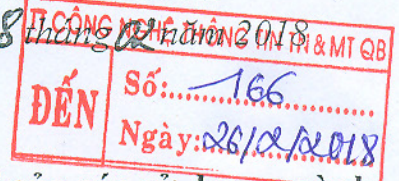


ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 495/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 08 tháng 02 năm 2018



## QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Chỉ số Cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG T. QUẢNG BÌNH

ĐẾN Số: 166 Ngày: 26/02/2018

Chuyển: Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình";

Lưu hồ sơ số: Căn cứ Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

## CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình";  
Căn cứ Quyết định số 4022/QĐ-UBND ngày 06/11/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;  
Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định chỉ số Cải cách hành chính năm 2017 đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố;  
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 152/SNV-CCHC ngày 02/02/2018,

## QUYẾT ĐỊNH:

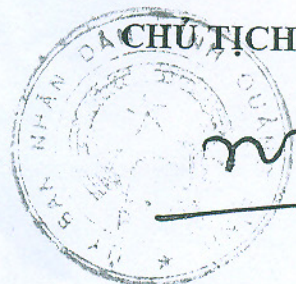
**Điều 1.** Công bố chỉ số Cải cách hành chính năm 2017 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Lấy chỉ số Cải cách hành chính làm cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, năng lực lãnh đạo, điều hành và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp và là một trong những tiêu chí đánh giá, bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng năm 2017 cho tập thể, cá nhân theo quy chế Thi đua - khen thưởng tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (Vụ CCHC);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



Nguyễn Hữu Hoài

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Phụ lục 1**

**KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC CÁC SỞ, BAN, NGÀNH**

(Kèm theo Quyết định số: 495/QĐ-UBND, ngày 08 tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	SỞ, BAN, NGÀNH	Điểm CCHC						Chỉ số CCHC
		Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Điểm thưởng	Điểm trừ	Điểm điều tra XHH	Tổng điểm	
<b>I Nhóm Tốt</b>								
1	Sở Tài nguyên và MT	76,75	76	2	0	16,22	94,22	94,22%
2	Sở Tư pháp	77	75	1	0	17,27	93,27	93,27%
3	Ban QL Khu Kinh tế	76,5	73,75	1	0	17,15	91,90	91,90%
4	Sở Xây dựng	76,5	74,15	1	0	16,58	91,73	91,73%
5	Sở Ngoại vụ	75,5	75,25	0	0	16,45	91,70	91,70%
6	Sở Nội vụ	74,65	72,9	2	0	16,71	91,61	91,61%
7	Văn phòng UBND tỉnh	75,25	72,75	1	0	16,48	90,23	90,23%
8	Sở Kế hoạch và Đầu tư	76,5	72,05	1	0	16,62	89,67	89,67%
9	Sở Giao thông vận tải	76	73,05	1	-1	16,39	89,44	89,44%
10	Sở Tài chính	74,5	71,2	1	0	17,17	89,37	89,37%
11	Sở Công Thương	76	71,05	1	0	16,88	88,93	88,93%
12	Sở Khoa học và Công nghệ	73,5	71,4	0	0	16,72	88,12	88,12%
13	Sở Y tế	74,75	71,5	0	-1	16,41	86,91	86,91%
14	Sở Nông nghiệp và PTNT	70,5	69,15	1	0	16,33	86,48	86,48%
15	Sở Thông tin và TT	76,25	69,55	1	-1	16,80	86,35	86,35%
<b>II Nhóm Khá</b>								
16	Sở Lao động-TB&XH	70	67,65	1	0	15,99	84,64	84,64%
17	Sở Văn hóa và Thể thao	71,5	68,5	0	-1	16,73	84,23	84,23%
18	Thanh tra tỉnh	71	67	0	0	16,15	83,15	83,15%
19	Sở Du lịch	69	64	0	0	17,75	81,75	81,75%
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	72,25	66	0	-1	16,72	81,72	81,72%
21	Ban Dân tộc	74	66	0	-1	16,59	81,59	81,59%

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**Phụ lục 2**

**KẾT QUẢ CHỈ SỐ CCHC CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

(Kèm theo Quyết định số: **495/QĐ-UBND**, ngày **08** tháng **02** năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	SỞ, BAN, NGÀNH	Điểm CCHC						Chỉ số CCHC
		Điểm tự đánh giá	Điểm thâm định	Điểm thưởng	Điểm trừ	Điểm điều tra XHH	Tổng điểm	
<b>I</b>	<b>Nhóm Tốt</b>							
1	UBND huyện Quảng Ninh	71,7	66,6	1	-1,5	18,78	84,88	84,88%
2	UBND TP Đồng Hới	69,75	65,8	1	-2	18,21	83,01	83,01%
3	UBND TX Ba Đồn	69,15	64,65	0	-1	17,94	81,59	81,59%
4	UBND huyện Tuyên Hóa	65,45	63,5	0	-1	18,9	81,40	81,40%
5	UBND huyện Bố Trạch	72,95	64,55	0	-2	18,19	80,74	80,74%
6	UBND huyện Lệ Thủy	70,2	61,15	2	-2	18,89	80,04	80,04%
<b>II</b>	<b>Nhóm Khá</b>							
7	UBND huyện Quảng Trạch	60,9	54,1	0	-2	18,14	70,24	70,24%
8	UBND huyện Minh Hóa	66,45	53,7	0	-2	18,41	70,11	70,11%

*[Handwritten mark]*